

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11421/QĐ-UBND

An Dương, ngày 25 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án LG Electronics Việt nam Hải Phòng**

Địa điểm: Khu Công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi và xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13; Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12;

Căn cứ Quyết định số 1448/QĐ-TTg ngày 16/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hải Phòng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý Quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng các khu chức năng đặc thù; Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng và Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về bổ sung một số điều của Thông tư 06/2013/TT-BXD hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;

Căn cứ Quyết định số: 1448/QĐ-TTg ngày 16/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hải Phòng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số: 1758/QĐ-UBND ngày 14/8/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt khu A trong quy hoạch chi tiết 1/2.000 khu công nghiệp tràng Duệ mở rộng tại các xã: Lê Lợi, Hồng Phong, Bắc Sơn, An Hòa, huyện An Dương;

Căn cứ Công văn số 2777/CATP-PC07 ngày 19/12/2020 của Công an TP. Hải Phòng về việc tham gia ý kiến về PCCC vào Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án LG Electronics Việt Nam Hải Phòng;

Căn cứ Công văn số 4298/2020/CV-SHP ngày 08/12/2020 của Công ty CP Khu Công Nghiệp Sài Gòn – Hải Phòng về việc góp ý thẩm định hồ sơ Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án LG Electronics Việt Nam Hải Phòng của KCN Tràng Duệ, huyện An Dương, TP. Hải Phòng;

Căn cứ Công văn số 5332/BQL-QHXD ngày 17/12/2020 của Ban Quản Lý Khu Kinh Tế Hải Phòng về việc tham gia ý kiến Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ

lệ 1/500 Dự án LG Electronics Việt Nam Hải Phòng của KCN Tràng Duệ, huyện An Dương, TP. Hải Phòng;

Căn cứ Công văn số 6403/SXD-QHKT ngày 21/12/2020 của Sở Xây dựng về việc cho ý kiến về đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án LG Electronics Việt Nam Hải Phòng của KCN Tràng Duệ, huyện An Dương, TP. Hải Phòng;

Căn cứ công văn số 3546/CT-NVDTPC ngày 07/12/2020 của Cục thuế thành phố Hải Phòng về việc tham gia đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án LG Electronics Việt Nam Hải Phòng của KCN Tràng Duệ, huyện An Dương, TP. Hải Phòng;

Xét kết quả thẩm định và đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 141/TTr-KTHT ngày 25/12/2020.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Phê duyệt “Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án LG Electronics Việt Nam Hải Phòng”, địa điểm: Khu Công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi và xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, với những nội dung sau:

**1. Tên đồ án quy hoạch:** Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án LG Electronics Việt Nam Hải Phòng.

**2. Vị trí, phạm vi và ranh giới:**

a) Phạm vi: lô CN2, CN3 Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi và xã Hồng Phong, huyện An Dương, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

b) Ranh giới:

+ Phía Tây Bắc giáp với lô đất công nghiệp trong KCN Tràng Duệ.

+ Phía Tây Nam giáp đường chính KCN Tràng Duệ.

+ Phía Đông Bắc giáp đường nội bộ trong KCN Tràng Duệ.

+ Phía Đông Nam giáp với đường quốc lộ 10.

**3. Quy mô:**

- Diện tích khu vực lập quy hoạch: 402.659,9 m<sup>2</sup>.

**4. Tính chất- chức năng:** Nhà máy sản xuất, lắp ráp sản phẩm điện và điện tử công nghệ cao.

**5. Nội dung quy hoạch:**

**5.1 Nội dung quy hoạch sử dụng đất:**

Bảng cân bằng sử dụng đất

BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT ĐAI TOÀN KHU			
STT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH (m <sup>2</sup> )	TỶ LỆ
1	TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT	402.659,9	100%
2	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG TOÀN KHU	221.462,9	55,0%
2.1	DT XÂY DỰNG GIAI ĐOẠN 1 & 2	119.332,0	29,64%
2.2	DT XÂY DỰNG GIAI ĐOẠN 3	42.086,2	10,45%

2.3	DT XÂY DỰNG DỰ PHÒNG	60.044,7	14,91%
3	DT GIAO THÔNG & SÂN BÃI	100.665,0	25,0%
4	DT CÂY XANH TOÀN KHU	80.532,0	20,0%

Bảng thống kê chi tiết sử dụng đất

■ THÔNG KÊ DIỆN TÍCH/AREA SUMMARY						
STT NO	KÝ HIỆU LEGEN D	TÊN HẠNG MỤC SEPARATION	DTXD CONST.ARE A (M2)	TDTSXD TOTAL FL. AREA (M2)	SỐ TẦNG STORE Y	TỶ LỆ RATIO (%)
<b>GIẢI ĐOẠN 1 &amp; 2 (HIỆN HỮU) / PHASE 1 &amp; 2 (EXISTING)</b>						
1	101	XUỞNG SẢN XUẤT I / PRODUCTION I	39.402,96	68.739,92	2	9,79
2	102	XUỞNG SẢN XUẤT II / PRODUCTION II	31.036,28	53.084,38	2	7,71
3	201	NHÀ XUỞNG SẢN XUẤT LINH KIỆN I / PARTNER PRODUCTION I	25.218,12	37.222,93	2	6,26
4	202	NHÀ XUỞNG SẢN XUẤT LINH KIỆN II (S2) / PARTNER PRODUCTION II	9.330,50	9.517,70	2	2,32
5	301	BẢO VỆ I + ĐA NĂNG / SECURITY I + MULTIFUNTION	1.058,00	1.058,00	1	0,26
6	302	BẢO VỆ II + ĐA NĂNG / SECURITY II + MULTIFUNTION	49,80	49,80	1	0,01
7	303	BẢO VỆ III / SECURITY III	260,40	260,40	1	0,06
8	304	BẢO VỆ IV / SECURITY IV	49,80	49,80	1	0,01
9	401	PHỤ TRỢ / UT	5.224,00	5.224,00	1	1,30
10	501	KHO I / STORAGE I	970,24	970,24	1	0,24
11	502	KHO II / STORAGE II	79,36	79,36	1	0,02
12	504	NHÀ CHỨA XE NÂNG / FORKLIFT STATION	278,3	278,30	1	0,07
13	505	NHÀ CHỨA XE NÂNG / FORKLIFT STATION	242	242,00	1	0,06
14	R	Hệ thống giá đỡ đường ống (102~UT~202) (DTXD giảm còn 376,4=740-363,6 m <sup>2</sup> do có 363,6m <sup>2</sup> thuộc xưởng 103 xây mới) / Pipe rack (102~UT~202)	376,40	740,00	1	0,09
15	C1	MÁI CHE / CANOPY (101~201)	1.546,75	1.546,75	1	0,38
16	C2	MÁI CHE / CANOPY (201~202)	86,01	86,01	1	0,02
17	-	CÔNG VÀ TƯỜNG RÀO / GATE & FENCE	644,04	644,04	1	0,16

18	PK	NHÀ XE CÓ MÁI / PARKING WITH CANOPY	3.479,06	3.479,06	1	0,86
		Nhà xe cổng 1 / Parking Gate 1	335,34	335,34	1	0,08
		Nhà xe cổng 4 / Parking Gate 4	600,94	600,94	1	0,15
		Nhà để xe máy cổng 2 / Parking Gate 2	1.250,00	1.250,00	1	0,31
		Nhà để xe máy cổng 4 / Motorcycle Parking Gate 4	161,00	161,00	1	0,04
		Nhà để xe máy cổng 4-S2 / Motorcycle Parking Gate 4-S2	144,00	144,00	1	0,04
		Nhà để xe máy cổng 2 / Motorcycle Parking Gate 2	987,78	987,78	1	0,25
<b>TỔNG CỘNG (HIỆN HỮU)</b>			<b>119.332,02</b>	<b>183.272,69</b>		<b>29,64</b>
<b>GIẢI ĐOẠN 3 (XÂY MỚI) / PHASE 3 (EXTENSION)</b>						
1	103	XƯỞNG SẢN XUẤT III / PRODUCTION III	37.107,30	44.157,62	3	9,22
2	305	BẢO VỆ V + ĐA NĂNG / SECURITY + MULTIFUNCTION	361,15	361,15	1	0,09
3	503	R22 (NHÀ VỆ SINH) / R22	73,44	73,44	1	0,02
4	506	XƯỞNG TRỘN / PREMIX	842,44	842,44	1	0,21
5	507	NHÀ ABS EXTRUDER / ABS EXTRUDER	1.707,84	1.707,84	1	0,42
6	508	NHÀ SEMI-ANECHOIC / SEMI-ANECHOIC CHAMBER	282,30	350,00	2	0,07
7	B	CẦU NÓI (102~103) / BRIDGE(102~103)	111,81	111,81	1	0,03
8	R2	CẦU DẪN ỐNG (103~506) / PIPE RACK(103~506)	22,50	22,50	1	0,01
9	-	CÔNG VÀ TƯỜNG RÀO / GATE & FENCE	-	-	-	-
10	PK2	NHÀ XE CÓ MÁI / PARKING WITH CANOPY	1.577,40	1.577,40	1	0,39
<b>TỔNG CỘNG (XÂY MỚI)</b>			<b>42.086,18</b>	<b>49.204,20</b>		<b>10,45</b>
<b>TỔNG CỘNG 3 GIAI ĐOẠN</b>			<b>161.418,20</b>	<b>232.476,89</b>		<b>40,09</b>

### 5.2 Tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan:

- **Không gian:** khu vực lập quy hoạch được tổ chức dạng ô cờ, trên cơ sở mạng đường giao thông khu vực, liên khu vực, có cập nhật các dự án đã được phê duyệt, đang triển khai... qua đó hình thành hệ thống giao thông nội bộ liên hoàn, mạch lạc, khai thác tốt các chức năng của nhà máy.

- **Kiến trúc:**

+ Nhà văn phòng, nhà xưởng, nhà kho: sử dụng hình thức kiến trúc hiện đại và kết cấu thép vượt nhịp để đáp ứng nhu cầu sản xuất. Vật liệu xây dựng: vật liệu hiện đại kết hợp công nghệ xây dựng mới tạo không gian lớn.

+ Các công trình khác: phù hợp với công năng sử dụng và cảnh quan chung của khu vực. Kiến trúc hiện đại, tạo điểm nhấn cho khu vực.

- *Cảnh quan*: Tổ chức giao thông đường phố với các thiết bị giao thông, ánh sáng, cây xanh, hồ nước, đài phun nước... tạo thành một tổng thể mang tính nghệ thuật cho cảnh quan môi trường.

### **5.3 Quy định việc kiểm soát về kiến trúc, cảnh quan:**

a) Công trình điểm nhấn: là các công trình công cộng trong khu vực.

b) Chiều cao xây dựng công trình: tuân thủ quy hoạch được duyệt.

c) Khoảng lùi tối thiểu đối với từng ô đất: theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch Xây dựng QCVN: 01/2019/BXD.

d) Màu sắc chủ đạo công trình: sáng, nhẹ.

### **5.4 Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:**

a) Chuẩn bị kỹ thuật

- Nguyên tắc san nền với cao độ lựa chọn phù hợp với địa hình và đảm bảo kết nối với tuyến đường xung quanh. Căn cứ cao độ hiện trạng tuyến đường của KCN, quy hoạch cao độ san nền định hướng tối thiểu +4.7m (hệ cao độ quốc gia).

- Cao độ san nền quy hoạch với định hướng tôn tạo mặt bằng để xây dựng các công trình và thoát nước mặt.

- Thoát nước mặt:

+ Nguồn tiếp nhận: Nước mưa được thu gom vào hệ thống cống đặt bên đường, sau đó tập trung về các tuyến cống chính và đầu nối ra các tuyến cống bên ngoài khu công nghiệp. Toàn bộ nước mưa trong dự án thoát ra ngoài qua các vị trí đầu nối hiện hữu đã có từ giai đoạn trước.

+ Thiết kế hệ thống thoát nước hoàn chỉnh theo chế độ tự chảy.

+ Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải.

+ Toàn bộ hệ thống thoát nước bám theo hướng dốc thoát nước của nền thiết kế.

+ Bố trí hệ thống hệ thống cống D300-D1000 kết hợp mương bê tông thu nước dọc theo các trục đường giao thông trong khu quy hoạch.

+ Tại các vị trí băng đường và lối vào kho bố trí cống ngầm chịu lực H30 để đảm bảo thoát nước an toàn.

+ Độ sâu chôn cống tối thiểu  $H=0,5m$ ;

+ Độ dốc cống tối thiểu  $i_m = 1/D$ , D - đường kính cống thiết kế (mm);

b) Quy hoạch giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

+ Phía Tây Bắc giáp với lô đất công nghiệp trong KCN Tràng Duệ.

+ Phía Tây Nam giáp đường chính KCN Tràng Duệ.

+ Phía Đông Bắc giáp đường nội bộ trong KCN Tràng Duệ.

+ Phía Đông Nam giáp với đường quốc lộ 10.

+ Các tuyến đường trong KCN Tràng Duệ đã xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, thuận lợi cho việc kết nối giao thông từ dự án ra bên ngoài.

- Giao thông đối nội

+ Trong dự án đã có các tuyến đường nội bộ được xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho các khối công trình hiện hữu. Các tuyến đường hiện hữu có mặt đường rộng từ 15m đến 30, đảm bảo thông thoáng, thuận tiện cho vấn đề lưu thông nội bộ.

+ Hệ thống giao thông của dự án được quy hoạch bao gồm các tuyến đường nội bộ trong dự án có mặt đường từ 7m đến 12m.

+ Độ dốc dọc đường được chọn trên cơ sở bám sát địa hình san lấp và đảm bảo thuận lợi thoát nước.

c) Quy hoạch cấp điện:

- Khu vực quy hoạch được cấp điện từ tuyến dây hiện hữu 22kV đi nổi trên trụ dọc theo đường Thống Nhất thuộc khu công nghiệp VSIP II tiếp giáp khu đất lập quy hoạch.

- Nguồn cấp: Nguồn điện lấy từ lưới điện của Khu công nghiệp Trảng Duệ tại 01 điểm đầu nổi như mô tả trên bản vẽ QH 10.

- Nguồn điện cấp cho dự án được lấy từ trạm biến áp thuộc khu công nghiệp Trảng Duệ bằng tuyến dây hiện hữu 22kV đi nổi trên trụ dọc theo đường Quốc lộ 10 tiếp giáp khu đất lập quy hoạch. Tổng công suất điện ước tính 60,1MVA

- Để đảm bảo độ tin cậy cho hệ thống điện của dự án, hệ thống nguồn điện trung thế của dự án sẽ được cấp điện bởi 2 tuyến cáp 22kV AL/XLPE/AWA/PVC 2x(3x1C-500mm<sup>2</sup>) từ trạm biến áp của khu công nghiệp dẫn đến.

- Phụ tải cung cấp: Nhà xưởng sản xuất, nhà văn phòng, nhà phụ trợ, hệ thống chiếu sáng giao thông, cây xanh...).

- Nguồn điện cung cấp cho dự án (bao gồm các giai đoạn 1, giai đoạn 2 và giai đoạn 3) được thực hiện theo được thực hiện theo “Hợp đồng thỏa thuận cung cấp điện” Số 93/2014/HĐCCĐ ngày 25/01/2014 giữa Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng và Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng

d) Hệ thống chiếu sáng

- Mạng điện chiếu sáng cho khu quy hoạch được cấp từ các tủ điều khiển hạ thế 0.4kV gần nhất, bằng tuyến cáp điện đi ngầm.

- Sử dụng đèn led 126W/220V gắn trên trụ cao 8~10m (tính luôn cao độ trụ + cần đèn) để chiếu sáng trực đường giao thông.

- Các loại đèn này được chọn tùy theo cảnh quan nơi lắp đặt. Hệ thống chiếu sáng được điều khiển tự động hoặc bằng tay.

e) Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn cấp nước cấp cho dự án được lấy từ hệ thống cấp nước của khu công nghiệp

- Mạng lưới cấp nước bao gồm hệ thống cấp nước sinh hoạt và chữa cháy

- Mạng lưới cấp nước cho dự án được thiết kế theo mạng vòng khép kín để cung cấp cho từng khu vực.

- Tuyến ống được bố trí trên hè đường, nằm phía trước các lô đất xây dựng công trình, thuận tiện cho việc cung cấp nước vào các công trình.

- Bố trí các trụ nước cứu hoả D100 để cung cấp nước chữa cháy. Trụ cứu hoả đặt cách nhau từ 100 - 150 m, đặt tại các ngã 3, ngã 4 để thuận lợi cho việc cấp nước chữa cháy.

f) Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Nguồn nước thải nhà kho chủ yếu là nước thải sinh hoạt.

- Nước thải sinh hoạt được xử lý cục bộ (bể tự hoại) tại các khu vệ sinh công cộng và nhà bảo vệ trước khi đầu ra hệ thống chung của khu công nghiệp

- Vệ sinh môi trường: Bố trí 01 điểm tập kết rác đặt tại phía Nam dự án, chất thải rắn thuê đơn vị có đủ chức năng thu gom đưa về khu xử lý chất thải củathành phố.

g) Thông tin liên lạc:

- Nguồn cung cấp: Để đáp ứng nhu cầu dịch vụ bưu chính viễn thông của khu vực, hệ thống thông tin liên lạc sẽ được kết nối vào hệ thống cáp thông tin trên đường Quốc lộ 10 để cấp nguồn cho dự án.

- Dự kiến nhu cầu: Hệ thống thông tin liên lạc cho khu quy hoạch sẽ là hệ thống được ghép nối với các nhà cung cấp hệ thống viễn thông như VNPT, Viettel,..v.v...

h) Quy hoạch thu gom chất thải rắn:

- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn trong khu quy hoạch đạt 100%.

- Thu gom rác tại các khu vực chức năng: mỗi nhân viên sẽ tự thu gom và đổ rác vào thùng rác gần nhất. Sau đó được các công nhân vệ sinh thu gom vào các xe vận chuyển rác.

- Vận chuyển rác: dùng xe chuyên dùng để thu gom và vận chuyển rác từ các thùng rác công cộng đến khu xử lý rác thải tập trung của tỉnh. Việc thu gom và vận chuyển rác từ khu vực đến nơi xử lý do đơn vị chuyên trách thực hiện.

### **5.5 Môi trường chiến lược:**

a. Giải pháp về kỹ thuật:

- Khai thác sử dụng hợp lý có hiệu quả đất đai và nguồn lực tự nhiên;

- Khai thác sử dụng đất đai: phải thực hiện sử dụng đúng mục đích, quy mô và tiêu chí đã đề ra trong quy hoạch.

- Khai thác các nguồn lực tự nhiên: khai thác nguồn lực tự nhiên thông qua đầu tư, phát triển phải thực hiện đồng bộ, tập trung đúng theo quy hoạch chuyên ngành, tuân thủ chặt chẽ theo quy trình kỹ thuật, công nghệ và các giải pháp bảo vệ môi trường.

b. Giải pháp về quản lý:

- Quản lý các nguồn, các tác nhân gây ô nhiễm phát sinh trong quá trình hoạt động khai thác; sử dụng đất đai; các nguồn tự nhiên; quản lý khai thác nguồn nước mặt, nguồn nước ngầm; quản lý hệ thống thu gom và xử lý nước thải; quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh phát ra tiếng ồn và ô nhiễm không khí.

- Tổ chức bộ máy quản lý: giáo dục và nâng cao nhận thức, tham gia bảo vệ và gìn giữ môi trường trong cộng đồng người lao động.

c. Biện pháp chống ồn và xử lý khí thải:

- Trồng cây xanh, sân vườn để ngăn cản gió bụi và điều hoà nhiệt độ không

khí, làm sạch đẹp đô thị.

- Phân luồng, tuyến giao thông phù hợp, lắp đặt hệ thống biển báo an toàn giao thông, giảm tiếng ồn và giảm lượng khí thải.

**Điều 2.** Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan và tổ chức thực hiện:

-Giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Lê Lợi và xã Hồng Phong, Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng và các cơ quan liên quan công bố công khai “Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án LG Electronics Việt Nam Hải Phòng” để quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

-Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án LG Electronics Việt Nam Hải Phòng do Công ty TNHH tư vấn đầu tư và xây dựng Quốc Tế lập được phê duyệt là căn cứ để lập dự án đầu tư xây dựng và quản lý theo quy hoạch. Công ty TNHH tư vấn đầu tư và xây dựng Quốc Tế chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu và thông tin trong hồ sơ dự án về quy mô, phạm vi ranh giới, tỷ lệ, toạ độ của Đồ án theo quy hoạch được duyệt đảm bảo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

-Khi có yêu cầu điều chỉnh quy hoạch, Cơ quan tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm lập hồ sơ báo cáo Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện thẩm định, trình Ủy ban nhân dân huyện An Dương xem xét, giải quyết theo quy định.

-Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chủ đầu tư có trách nhiệm triển khai các thủ tục tiếp theo quy định.

**Điều 3.** Các ông (bà) Chánh Văn phòng huyện, Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Lê Lợi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hồng Phong, Giám đốc Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- TT HU, TT HĐND Huyện;
- CT, các PCT UBND Huyện;
- Như Điều 3; KTHT;
- Lưu VT./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Cường



**QUY ĐỊNH QUẢN LÝ THEO ĐỒ ÁN  
QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TL: 1/500**

**DỰ ÁN: LG ELECTRONICS VIỆT NAM  
HẢI PHÒNG**

**ĐỊA ĐIỂM: KCN TRÀNG DUỆ, HUYỆN AN DƯƠNG,  
TP. HẢI PHÒNG**



**QUY ĐỊNH QUẢN LÝ THEO ĐỒ ÁN  
QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TL: 1/500**

**DỰ ÁN: LG ELECTRONICS VIỆT NAM  
HẢI PHÒNG**

**ĐỊA ĐIỂM: KCN TRÀNG DUỆ, HUYỆN AN DƯƠNG,  
TP. HẢI PHÒNG**

-Năm 2020-

**QUY ĐỊNH QUẢN LÝ**  
**Theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500**  
**DỰ ÁN: LG ELECTRONICS VIỆT NAM HẢI PHÒNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 11421/QĐ-UBND  
ngày 25 tháng 12 năm 2020 của UBND Huyện An Dương)*

**Chương I:**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Đối tượng áp dụng, phân công quản lý thực hiện:**

1. Quy định này quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án LG Electronics Việt Nam Hải Phòng đã được phê duyệt Quyết định số ~~11421/QĐ-UBND~~ ngày 25/12/2020 bao gồm quy định về chỉ tiêu sử dụng đất tại từng khu vực, từng lô đất, thông số kỹ thuật của hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan trong khu vực quy hoạch.
2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động quản lý, đầu tư xây dựng trong ranh giới đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án LG Electronics Việt Nam Hải Phòng đã được phê duyệt.
3. Ngoài những nội dung theo quy định này, việc quản lý theo Đồ án quy hoạch còn phải tuân thủ theo các quy định pháp luật của nhà nước có liên quan.
4. Việc điều chỉnh, bổ sung hoặc thay đổi quy định này phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
5. Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Ủy ban nhân dân xã Lê Lợi và xã Hồng Phong, và các phòng, ban, ngành Ủy ban nhân dân huyện An Dương căn cứ theo chức năng nhiệm vụ thực hiện quản lý xây dựng theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án LG Electronics Việt Nam Hải Phòng theo đúng quy hoạch được duyệt và các quy định quản lý có liên quan.
6. Khuyến khích và tạo điều kiện để các tổ chức và cộng đồng dân cư tham gia tư vấn và phản biện về quản lý quy hoạch kiến trúc trên cơ sở những quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Điều 2. Ranh giới, phạm vi, tính chất khu vực quy hoạch:**

**1. Ranh giới, phạm vi:**

**a. Vị trí khu vực quy hoạch:**

Khu đất dự án đầu tư thuộc Lô CN2, CN3 Khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Lê Lợi và xã Hồng Phong, huyện An Dương, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

- Phía Tây Bắc giáp với lô đất công nghiệp trong KCN Tràng Duệ.
- Phía Tây Nam giáp đường chính KCN Tràng Duệ.
- Phía Đông Bắc giáp đường nội bộ trong KCN Tràng Duệ.
- Phía Đông Nam giáp với đường quốc lộ 10.

**b. Quy mô diện tích khu vực quy hoạch:**

Khu đất lập quy hoạch chi tiết có diện tích 402.659,9 m<sup>2</sup>.

**2. Tính chất, chức năng khu vực lập quy hoạch:**

- Tính chất đồ án: Là đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500.
- Tính chất khu vực quy hoạch: Là khu nhà xưởng sản xuất các thiết bị điện tử gia dụng.

**Chương II:**  
**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 3: Quy định về sử dụng đất và nguyên tắc kiểm soát không gian kiến trúc cảnh quan:**

1. Cơ cấu sử dụng đất và thống kê các hạng mục công trình:

a. Cơ cấu sử dụng đất toàn khu:

<b>BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT ĐAI TOÀN KHU</b>			
STT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH (m <sup>2</sup> )	TỶ LỆ
1	TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT	402.659,9	100%
2	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG TOÀN KHU	221.462,9	55,0%
2.1	DT XÂY DỰNG GIAI ĐOẠN 1 & 2	119.332,0	29,64%
2.2	DT XÂY DỰNG GIAI ĐOẠN 3	42.086,2	10,45%
2.3	DT XÂY DỰNG DỰ PHÒNG	60.044,7	14,91%
3	DT GIAO THÔNG & SÂN BÃI	100.665,0	25,0%
4	DT CÂY XANH TOÀN KHU	80.532,0	20,0%

b. Thống kê các hạng mục:

<b>■ THỐNG KÊ DIỆN TÍCH/AREA SUMMARY</b>						
ST T NO	KÝ HIỆU LEGE ND	TÊN HẠNG MỤC SEPARATION	DTXD CONST.AR EA (M2)	TDT SXD TOTAL FL. AREA (M2)	SỐ TẦNG STOR EY	TỶ LỆ RATI O (%)
<b>GIAI ĐOẠN 1 &amp; 2 (HIỆN HỮU) / PHASE 1 &amp; 2 (EXISTING)</b>						
1	101	XUỞNG SẢN XUẤT I / PRODUCTION I	39.402,96	68.739,92	2	9,79
2	102	XUỞNG SẢN XUẤT II / PRODUCTION II	31.036,28	53.084,38	2	7,71
3	201	NHÀ XUỞNG SẢN XUẤT LINH KIỆN I / PARTNER PRODUCTION I	25.218,12	37.222,93	2	6,26
4	202	NHÀ XUỞNG SẢN XUẤT LINH KIỆN II (S2) / PARTNER PRODUCTION II	9.330,50	9.517,70	2	2,32
5	301	BẢO VỆ I + ĐA NĂNG / SECURITY I + MULTIFUNTION	1.058,00	1.058,00	1	0,26
6	302	BẢO VỆ II + ĐA NĂNG / SECURITY II + MULTIFUNTION	49,80	49,80	1	0,01
7	303	BẢO VỆ III / SECURITY III	260,40	260,40	1	0,06
8	304	BẢO VỆ IV / SECURITY IV	49,80	49,80	1	0,01

9	401	PHỤ TRỢ / UT	5.224,00	5.224,00	1	1,30
10	501	KHO I / STORAGE I	970,24	970,24	1	0,24
11	502	KHO II / STORAGE II	79,36	79,36	1	0,02
12	504	NHÀ CHỨA XE NÂNG / FORKLIFT STATION	278,3	278,30	1	0,07
13	505	NHÀ CHỨA XE NÂNG / FORKLIFT STATION	242	242,00	1	0,06
14	R	Hệ thống giá đỡ đường ống (102~UT~202) (DTXD giảm còn 376,4=740-363,6 m <sup>2</sup> do có 363,6m <sup>2</sup> thuộc xưởng 103 xây mới) / Pipe rack (102~UT~202)	376,40	740,00	1	0,09
15	C1	MÁI CHE / CANOPY (101~201)	1.546,75	1.546,75	1	0,38
16	C2	MÁI CHE / CANOPY (201~202)	86,01	86,01	1	0,02
17	-	CÔNG VÀ TƯỜNG RÀO / GATE & FENCE	644,04	644,04	1	0,16
18	PK	NHÀ XE CÓ MÁI / PARKING WITH CANOPY	3.479,06	3.479,06	1	0,86
		<i>Nhà xe cổng 1 / Parking Gate 1</i>	<i>335,34</i>	<i>335,34</i>	<i>1</i>	<i>0,08</i>
		<i>Nhà xe cổng 4 / Parking Gate 4</i>	<i>600,94</i>	<i>600,94</i>	<i>1</i>	<i>0,15</i>
		<i>Nhà để xe máy cổng 2 / Parking Gate 2</i>	<i>1.250,00</i>	<i>1.250,00</i>	<i>1</i>	<i>0,31</i>
		<i>Nhà để xe máy cổng 4 / Motorcycle Parking Gate 4</i>	<i>161,00</i>	<i>161,00</i>	<i>1</i>	<i>0,04</i>
		<i>Nhà để xe máy cổng 4-S2 / Motorcycle Parking Gate 4-S2</i>	<i>144,00</i>	<i>144,00</i>	<i>1</i>	<i>0,04</i>
		<i>Nhà để xe máy cổng 2 / Motorcycle Parking Gate 2</i>	<i>987,78</i>	<i>987,78</i>	<i>1</i>	<i>0,25</i>
<b>TỔNG CỘNG (HIỆN HỮU)</b>			<b>119.332,02</b>	<b>183.272,69</b>		<b>29,64</b>
<b>GIAI ĐOẠN 3 (XÂY MỚI) / PHASE 3 (EXTENSION)</b>						
1	103	XUỞNG SẢN XUẤT III / PRODUCTION III	37.107,30	44.157,62	3	9,22
2	305	BẢO VỆ V + ĐA NĂNG / SECURITY + MULTIFUNCTION	361,15	361,15	1	0,09
3	503	R22 (NHÀ VỆ SINH) / R22	73,44	73,44	1	0,02
4	506	XUỞNG TRỘN / PREMIX	842,44	842,44	1	0,21
5	507	NHÀ ABS EXTRUDER / ABS EXTRUDER	1.707,84	1.707,84	1	0,42
6	508	NHÀ SEMI-ANECHOIC / SEMI-ANECHOIC CHAMBER	282,30	350,00	2	0,07

7	B	CẦU NỔI (102~103) / BRIDGE(102~103)	111,81	111,81	1	0,03
8	R2	CẦU DẪN ỐNG (103~506) / PIPE RACK(103~506)	22,50	22,50	1	0,01
9	-	CÔNG VÀ TƯỜNG RÀO / GATE & FENCE	-	-	-	-
10	PK2	NHÀ XE CÓ MÁI / PARKING WITH CANOPY	1.577,40	1.577,40	1	0,39
<b>TỔNG CỘNG (XÂY MỚI)</b>			<b>42.086,18</b>	<b>49.204,20</b>		<b>10,45</b>
<b>TỔNG CỘNG 3 GIAI ĐOẠN</b>			<b>161.418,20</b>	<b>232.476,89</b>		<b>40,09</b>

## 2. Các quy định về sử dụng đất:

- Đảm bảo các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất theo đúng các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đồ án đã đề ra.
- Các công trình được xây dựng theo đúng các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn hiện hành của Nhà nước nhằm đảm bảo điều kiện an toàn và chất lượng sản xuất bên trong.
- Đảm bảo mật độ cây xanh tối thiểu 20% diện tích toàn dự án.

## 3. Nguyên tắc kiểm soát không gian kiến trúc cảnh quan:

- Đảm bảo phân khu chức năng hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi để khai thác tiềm năng ngay trong giai đoạn đầu, tạo động lực và cơ hội phát triển năng động bền vững trong các giai đoạn sau, trong tương lai.
- Đảm bảo phát triển dự án nhà kho trên cơ sở gắn với phát triển kinh tế của toàn khu công nghiệp.
- Đảm bảo khai thác hợp lý tiềm năng, tài nguyên thiên nhiên, đạt hiệu quả cao về kinh tế nhưng vẫn đảm bảo môi trường sinh thái bền vững.
- Đặc biệt quan tâm đến môi trường, hiệu quả kinh tế và cảnh quan của khu nhà kho trong giải pháp quy hoạch.
- Các công trình nhà kho mang hình thức kiến trúc nhà công nghiệp bố trí tại trung tâm lô đất với các công trình phụ trợ và công trình kỹ thuật xung quanh. Các công trình hạ tầng kỹ thuật như khu chứa rác, trạm biến áp, phòng máy phát điện được bố trí vào phía bên trong khuôn viên nhà máy để không gây ảnh hưởng đến cảnh quan của các đường giao thông bên ngoài nhà máy.
- Các công trình chính là các nhà kho có quy mô diện tích lớn bố trí lùi sâu vào bên trong khu đất theo chỉ giới xây dựng.
- Các khối công trình chính bố trí khoảng cách phù hợp các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy.
- Các khối công trình phụ bố trí theo hệ thống hạ tầng kỹ thuật, có chiều cao phù hợp, không làm ảnh hưởng cảnh quan chung của nhà máy và toàn khu công nghiệp.
- Các mảng cây xanh gồm các mảng cây xanh phân tán trong nhà máy, và các khu cây xanh, bãi cỏ tập trung nhằm tạo cảnh quan, môi trường vi khí hậu cho nhà kho.
- Tổ chức giao thông, sân bãi phù hợp theo yêu cầu dây chuyền công nghệ, cảnh quan và phòng cháy chữa cháy.

**Điều 4. Chiều cao xây dựng công trình, hình thức kiến trúc và hàng rào công trình, vật liệu xây dựng của các công trình; chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và các yêu cầu cụ thể về kỹ thuật đối với từng tuyến đường, ngõ phố; phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật.**

**1. Chiều cao xây dựng công trình, hình thức kiến trúc và hàng rào công trình, vật liệu xây dựng của các công trình**

**a. Chiều cao, tầng cao xây dựng công trình:**

- Tầng cao tối đa: 04 tầng;

- Chiều cao tối đa: không quy định;
- Mật độ xây dựng tối đa: 55 %.

**b. Hình thức kiến trúc và hàng rào các công trình:**

• **Màu sắc:**

- Màu sắc bên ngoài công trình kiến trúc phải hài hòa với cảnh quan, kiến trúc khu vực và các công trình lân cận, phù hợp phong cách kiến trúc của công trình công nghiệp;

- Không sử dụng màu phản quang, màu đậm, màu sặc sỡ làm ảnh hưởng đến cảnh quan của khu vực.

• **Hình thức kiến trúc:**

- Hình thức kiến trúc mang đặc trưng của loại hình nhà công nghiệp.

- Khuyến khích các hình thức kiến trúc nhà xưởng gần gũi với thiên nhiên, bố trí thông thoáng, hài hòa với cảnh quan;

- Khuyến khích sử dụng các loại vật liệu thân thiện, gần gũi môi trường.

• **Hàng rào:**

Kiến trúc hàng rào cần đảm bảo các quy định chung sau đây:

- Hài hòa với không gian, cảnh quan, kiến trúc trong khu vực;
- Chi tiết thiết kế, màu sắc, vật liệu xây dựng hài hòa với công trình;
- Khuyến khích xây dựng hàng rào thưa thoáng;
- Màu sắc phù hợp với quy định chung của khu công nghiệp;

Hàng rào phía giáp đường khu công nghiệp:

- Chiều cao tối thiểu cho phép của hàng rào là 2.0m và chiều cao tối đa cho phép của hàng rào là 2,5 m tính từ cao độ san nền.
- Không được phép xây dựng các loại hàng rào dựng bằng tre, gỗ hay xây gạch đặc với phần rào dọc theo đường nội bộ. Không được chằng dây thép gai lên phần rào này.

**2. Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, cốt xây dựng và các yêu cầu cụ thể về kỹ thuật đối với từng tuyến đường:**

**a. Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng:**

Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về chỉ giới. Cụ thể:

- Khoảng cách đối với đường ranh giáp với đường gom của KCN ( Song song với quốc lộ 10) : 8m tính từ ranh giới lô đất.
- Đối với đường ranh giới giáp với đường nội bộ KCN, giáp với lô đất bên cạnh trong KCN: 6m tính từ ranh giới lô đất.
- Không cho phép bất cứ loại kết cấu nào hay phần nhô ra của các công trình được xây dựng bên ngoài khoảng lùi, ngoại trừ một số công trình được quy định sau: Cột cờ; Các hệ thống ống ngầm, ống luồn; Trồng cây, thảm cỏ; Đường, dốc, lối đi, đường đi bộ hay phần lát gạch không có mái che; Hàng rào; Cổng ra vào và nhà bảo vệ chỉ dùng cho nhân viên bảo vệ làm việc; Bãi đỗ xe có hoặc không có mái che; Hồ ga nước thải; Trạm cắt mạch vòng (RMU); Các tiện ích cho hệ thống chiếu sáng ngoài nhà và chiếu sáng bảo vệ; Hệ thống thoát nước mưa; Bể phốt ngầm.

**b. Cốt xây dựng và các yêu cầu cụ thể về kỹ thuật đối với từng tuyến đường:**

- Cốt san nền trong toàn khu theo hồ sơ quy hoạch giao thông;
- Cao độ (so với mặt nước biển):
  - o Cao trình san nền của KCN : +4.7 m
  - o Cao trình mặt đường bình quân trong KCN : +4.85 m
  - o Cao trình nền nhà máy tối thiểu : +4.85 m

**3. Phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật:**

- Không được xây dựng trên đất hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật.



- Bố trí các đường dây đường ống hạ tầng kỹ thuật ngầm phải cách chỉ giới đường đỏ 0,5m và khoảng cách các công trình ngầm phải tuân theo QCVN 01:2019/BXD.

**Điều 5. Vị trí, quy mô và phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với công trình ngầm**

- Không gian ngầm bên dưới công trình không vượt quá chỉ giới đường đỏ, không làm ảnh hưởng các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Việc xây dựng và quản lý các công trình ngầm của đô thị cần tuân thủ theo Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị.

- Phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật phải tuân thủ Quy chuẩn, Tiêu chuẩn ngành và các quy định hiện hành có liên quan.

**Điều 6: Quy định quản lý các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật:**

Việc thực hiện đấu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật của nhà máy phải phù hợp với quy định của khu công nghiệp. Chủ đầu tư phải tiến hành thỏa thuận đấu nối trước khi tiến hành thi công xây dựng.

**1. Về quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt:**

- Cao độ san nền trong dự án đảm bảo bám sát theo quy hoạch tổng thể toàn khu công nghiệp.

- Công trình thoát nước mặt phải được thiết kế, xây dựng đồng bộ, sử dụng vật liệu thích hợp, đúng quy cách, bền vững, đảm bảo mỹ quan, vệ sinh môi trường, an toàn và thuận tiện cho người và phương tiện giao thông.

- Việc đấu nối hệ thống thoát nước mặt từ dự án ra hệ thống thoát nước chung bên ngoài phải được sự cho phép của cơ quan chức năng.

**2. Giao thông:**

- Giao thông trong nội bộ khu dự án phải đảm bảo thông thoáng, thuận tiện cho vấn đề lưu thông.

- Giao thông tại các điểm đấu nối với bên ngoài phải thuận tiện và an toàn cho việc ra vào dự án.

- Độ dốc dọc đường được chọn trên cơ sở bám sát địa hình san lấp và đảm bảo thuận lợi thoát nước.

**3. Về cấp điện và chiếu sáng:**

- Dây cáp điện trong khu vực quy hoạch phải được bố trí hợp lý bằng dây có bọc cách điện; tại các khu vực hiện hữu cải tạo chỉnh trang, cần có kế hoạch thay dây trần bằng dây có bọc cách điện, tiến tới ngầm hóa toàn bộ.

- Lưới điện trong khu vực quy hoạch phải phù hợp với quy định chuyên ngành. Chiếu sáng nơi công cộng hoặc chiếu sáng mặt ngoài công trình phải đảm bảo mỹ quan, an toàn, hiệu quả, tiết kiệm năng lượng, phù hợp với các quy định hiện hành.

- Chủ sử dụng công trình phải liên hệ với đơn vị có chức năng hoạt động điện lực để được hợp đồng cung cấp điện. Nghiêm cấm mọi hành vi tự ý đấu nối với hệ thống điện trong khu dân cư.

**4. Về thông tin liên lạc:**

- Dây điện thoại, dây thông tin, truyền hình cáp, internet phải được thay thế bằng tổ hợp dây có cùng tính năng kỹ thuật; xây dựng kế hoạch dỡ bỏ các thiết bị và đường dây không còn sử dụng, tiến tới ngầm hóa toàn bộ.

- Công trình viễn thông công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông, hộp kỹ thuật thông tin, thùng thư, trạm điện thoại công cộng, thiết bị thông tin trên vỉa hè phải được bố trí theo đồ án quy hoạch này hoặc thiết kế đô thị được duyệt. Đồng thời phù hợp với kích thước hè phố và có kiểu dáng, màu sắc phù hợp, hài hòa, dễ sử dụng, không cản trở giao thông, người đi bộ.

- Chủ sử dụng công trình phải liên hệ với đơn vị có chức năng hoạt động viễn thông để được hợp đồng cung cấp thông tin liên lạc. Nghiêm cấm mọi hành vi tự ý đấu nối với hệ thống thông tin trong khu dân cư.

#### 5. Về cấp, thoát nước và xử lý chất thải rắn

- Công trình cấp, thoát nước và xử lý chất thải rắn phải được thiết kế, xây dựng, lắp đặt đồng bộ, sử dụng vật liệu thích hợp, đúng quy cách, bền vững, đảm bảo mỹ quan, vệ sinh môi trường, an toàn và thuận tiện cho người và phương tiện giao thông.

- Thùng thu rác thu gom phải được bố trí hợp lý, đồng bộ, đảm bảo mỹ quan, có kích thước, kiểu dáng thích hợp, sử dụng thuận tiện và dễ nhận biết.

- Nghiêm cấm các hành vi đấu nối vào hệ thống cấp thoát nước mà không có sự cho phép của các cơ quan chức năng.

- Nghiêm cấm mọi trường hợp cho nước thải sinh hoạt thoát trực tiếp xuống hệ thống kênh rạch, nếu phát hiện sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành.

#### 6. Về đánh giá môi trường chiến lược:

- Cần đảm bảo các tiêu chí và tiêu chuẩn bảo vệ môi trường.

- Cần có các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động đến khu vực lân cận, cảnh quan thiên nhiên, không khí, tiếng ồn.

- Chủ đầu tư dựa vào quy hoạch tổng thể mặt bằng để xây dựng hệ thống giao thông nội bộ, cấp điện, cấp nước, hệ thống xử lý nước thải cục bộ, hệ thống thu gom nước thải, nước mưa phù hợp để tiếp nhận các nguồn thải.

- Cơ quan chức năng cùng các ban ngành liên quan tham gia thẩm định thiết kế cơ sở của đơn vị thiết kế để giám sát các hệ thống thu gom nước thải, xử lý nước thải, thu gom chất thải rắn theo yêu cầu chung bảo vệ môi trường khu vực.

- Cơ quan quản lý môi trường Nhà nước sẽ thẩm định những hoạt động có liên quan tới môi trường của chủ đầu tư như hệ thống hạ tầng phục vụ, hệ thống thông thoáng và các hệ thống xử lý môi trường, phòng chống sự cố.

- Chủ đầu tư phối hợp cùng với các cơ quan chức năng xây dựng phương án phòng chống sự cố cháy nổ, dịch bệnh.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các thiết bị sản xuất, hệ thống khống chế ô nhiễm môi trường và hệ thống ngăn ngừa sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

### CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**Điều 7.** Mọi hành vi vi phạm các điều khoản của quy định này tùy theo hình thức và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

**Điều 8.** Các cơ quan có trách nhiệm quản lý xây dựng căn cứ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án LG Electronics Việt Nam Hải Phòng tại Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 25.1.2020 và các quy định cụ thể của Quy định này hướng dẫn và giám sát thực hiện. / *m*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Cường